

Số: *SAB* /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *08* tháng *3* năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV  
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021  
tại tỉnh Quảng Nam**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH 11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BTC ngày 14/01/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021;

Theo Công văn số 43/HĐND-TTHĐ ngày 04/3/2016 của Thường trực HĐND tỉnh và xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 87/TTr-STC ngày 29/02/2016,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 tại tỉnh Quảng Nam, với các nội dung chính sau:

1. Đối tượng áp dụng: Ủy ban bầu cử, Tổ bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 các cấp trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, đơn vị có phục vụ công tác bầu cử.

2. Nội dung chi và mức chi:

*(Chi tiết nội dung, mức chi theo phụ lục đính kèm)*

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh và theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương có phục vụ công tác bầu cử thực hiện việc lập, quản lý, sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích, đúng chế độ và thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định tại Thông tư số 06/2016/TT-BTC ngày 14/01/2016 của Bộ Tài chính; đồng thời rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí trên địa bàn tỉnh để báo cáo, tham mưu UBND tỉnh đề nghị Ngân sách Trung ương bổ sung kinh phí và phân bổ cho các đơn vị, địa phương để thực hiện công tác bầu cử đảm bảo đúng quy định.

Các cơ quan, đơn vị phục vụ công tác bầu cử căn cứ mức chi tại Điều 1, quy định tại Thông tư số 06/2016/TT-BTC ngày 14/01/2016 của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Sở Tài chính để lập dự toán gửi cơ quan Tài chính, Nội vụ cùng cấp tổng hợp, báo cáo, tham mưu UBND cùng cấp xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có phục vụ công tác bầu cử và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

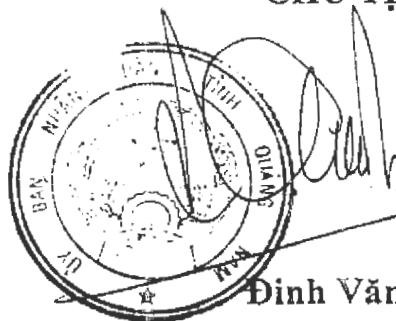
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /18

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Hội đồng bầu cử Quốc gia (báo cáo)
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ (báo cáo)
- TT TU, HĐND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu VT, NC, TH, KTTH.

*D:\Dropbox\Hai KTTH\Nam 2016\Quyết định\Chuyen nguồn, so du, tong du toan\QD quy dinh muc chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp (CV 43).doc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đinh Văn Thu**



**Phụ lục**

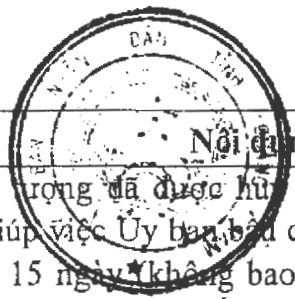
(Kèm theo Quyết định số 843 /QĐ-UBND ngày 08 / 3 /2016 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị	Theo quy định tại Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh			
2	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử	Theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính			
3	Riêng chi tổ chức các hội nghị do Ủy ban bầu cử cấp tỉnh triệu tập: Áp dụng theo chế độ chi phục vụ kỳ họp thứ 15, HĐND tỉnh khóa VIII đối với các nội dung: ăn, nghỉ, giải khát, bồi dưỡng đại biểu tham dự.				
4	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử, Ủy ban MTTQVN các cấp:				
	a) Các cuộc họp:				
	- Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	160.000	120.000	80.000
	- Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	80.000	60.000	50.000
	- Các đối tượng phục vụ và phóng viên đưa tin	đồng/người/buổi	40.000	40.000	40.000
	b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:				
	- Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	120.000	90.000	60.000
	- Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	70.000	60.000	50.000
	- Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	40.000	40.000	40.000
5	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Thường HĐND, Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban Ủy ban bầu, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, huyện (Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành):				
	a) Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	160.000	120.000	
	b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	80.000	60.000	
	c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:				
	- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát và phóng viên báo, đài trực tiếp đi theo	đồng/người/buổi	70.000	50.000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	đoàn giám sát đưa tin, bài				
	- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	40.000	40.000	
	d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:				
	- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Thường trực HĐND, Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo	2.000.000	1.500.000	
	- Chi tham gia ý kiến bằng văn bản ( <i>tổng mức chi tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản</i> ).	đồng/người/văn bản	200.000	150.000	
	- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	500.000	350.000	
6	Chi xây dựng văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử	đồng/văn bản	1.500.000		
7	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:				
	a) Mức khoán chi bồi dưỡng đối với các đối tượng; thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ bầu cử theo thực tế và tối đa không quá thời gian quy định cho từng đối tượng. Trường hợp một người kiêm nhiệm nhiều công việc thì chỉ một mức bồi dưỡng cao nhất. Cụ thể:				
	- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban Ủy ban bầu cử (thời gian không quá 04 tháng)	đồng/người/tháng	1.600.000	1.200.000	800.000
	- Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban Ủy ban bầu cử (thời gian không quá 04 tháng)	đồng/người/tháng	1.400.000	1.000.000	700.000
	- Thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử (thời gian không quá 04 tháng)	đồng/người/tháng	1.200.000	900.000	600.000
	- Trưởng, Phó Trưởng các Ban bầu cử (thời gian không quá 03 tháng)	đồng/người/tháng	1.000.000	800.000	500.000
	- Thành viên Ban bầu cử (thời gian không quá 03 tháng)	đồng/người/tháng	800.000	600.000	400.000
	- Thành viên Tổ bầu cử (thời gian không quá 02 tháng)	đồng/người/tháng			600.000
	b) Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu	đồng/người/ngày	80.000	60.000	40.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	<i>Riêng đối với khu vực bỏ phiếu có các đồng chí lãnh đạo tỉnh tham dự bỏ phiếu, để phục vụ công tác tuyên truyền lễ khai mạc bầu cử có những phát sinh thêm về trang trí thì khoản chi phí phát sinh thêm này thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh.</i>				
11	Chi khắc dấu mức chi tối đa (không bao gồm lệ phí khắc dấu)	đồng/dấu		250.000	
12	Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử	Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính			
13	<i>Chi bồi dưỡng họp báo (02 lần) để công bố danh sách những đại biểu ứng cử và họp báo công bố kết quả bầu cử (số lượng phóng viên theo Kế hoạch họp báo của Ủy ban bầu cử tỉnh)</i>	đồng/phóng viên/lần	500.000		
14	<i>Trường hợp đặc biệt, đột xuất ngoài đối tượng, mức chi quy định nêu trên Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh xem xét, quyết định.</i>				

*Ghi chú: Cấp huyện, thị xã, thành phố gọi chung là cấp huyện; cấp xã, phường, thị trấn gọi chung là cấp xã.*



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)				
	c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử	đồng/người/ngày	150.000	150.000	200.000
8	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử; thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động theo thực tế tối đa không quá thời gian quy định cho từng đối tượng dưới đây, cụ thể:				
	a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Ủy ban bầu cử, Trưởng các Tiểu ban Ủy ban bầu cử (thời gian không quá 04 tháng)	đồng/người/tháng	300.000	250.000	150.000
	b) Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban Ủy ban bầu cử (thời gian không quá 04 tháng)		250.000	200.000	100.000
	c) Thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử (thời gian không quá 04 tháng)	đồng/người/tháng	150.000	100.000	50.000
	d) Trưởng, Phó Trưởng các Ban bầu cử (thời gian không quá 03 tháng)	đồng/người/tháng	200.000	150.000	100.000
	e) Thành viên Ban bầu cử (thời gian không quá 03 tháng)	đồng/người/tháng	150.000	100.000	70.000
9	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:				
	a) Người được giao trực tiếp công dân	đồng/người/buổi	65.000	50.000	40.000
	b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	40.000	30.000
	c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	40.000	30.000	20.000
10	Mức chi tối đa cho việc trang trí, chuẩn bị cơ sở vật chất khu vực bỏ phiếu (kể cả hòm phiếu).	đồng/khu vực			2.500.000